

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc đánh giá nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước có sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng và xử lý vi phạm đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước, Dự án khoa học và công nghệ và nhiệm vụ độc lập cấp nhà nước (sau đây gọi chung là đề tài, dự án).

Đối với các đề tài, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học xã hội việc đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng và xử lý vi phạm được quy định tại văn bản riêng.

2. Việc đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án có liên quan đến bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng và một số nhiệm vụ đặc biệt cấp bách, nhạy cảm được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án (sau đây gọi tắt là đánh giá) quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

2. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN, các đơn vị chức năng thuộc các cơ quan chủ quản quản lý Dự án KH&CN.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá đề tài, dự án phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Căn cứ vào hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây viết tắt là hợp đồng) đã được ký kết và các nội dung đánh giá được quy định tại Thông tư này.

2. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, trung thực và chính xác.

3. Tiến hành đúng quy trình, thủ tục quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Phương thức đánh giá

Việc đánh giá được thực hiện theo hai cấp gồm đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây viết tắt là đánh giá cấp cơ sở) và đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước (sau đây viết tắt là đánh giá cấp nhà nước) cụ thể như sau:

1. Đánh giá cấp cơ sở

Đánh giá cấp cơ sở chỉ thực hiện đánh giá kết quả đề tài, dự án thông qua hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây viết tắt là hội đồng đánh giá cấp cơ sở) do tổ chức chủ trì đề tài, dự án thực hiện.

2. Đánh giá cấp nhà nước

Đánh giá cấp nhà nước bao gồm đánh giá kết quả đề tài, dự án và đánh giá việc tổ chức thực hiện đề tài, dự án:

a) Đánh giá kết quả đề tài, dự án được thực hiện thông qua hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước (sau đây viết tắt là hội đồng đánh giá cấp nhà nước);

Đánh giá kết quả đề tài, dự án ở cấp nhà nước chỉ thực hiện đối với các đề tài, dự án được hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại “Đạt”;

Đối với các đề tài, dự án có kết quả nghiên cứu là các sản phẩm có thể đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính...), thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ còn được thẩm định bởi tổ chuyên gia trước khi hội đồng họp phiên đánh giá cấp nhà nước.

b) Đánh giá việc tổ chức thực hiện đề tài, dự án được giao cho:

- Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì, phối hợp với Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước thực hiện đối với các đề tài, dự án thuộc Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước (sau đây gọi tắt là chương trình);

- Các Vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước thực hiện đối với các đề tài, dự án thuộc chương trình do thành viên Ban chủ nhiệm chương trình làm chủ nhiệm;

- Các Vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ quản thực hiện đối với các đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước;

- Các đơn vị chức năng thuộc các cơ quan chủ quản chủ trì, phối hợp với Bộ KH&CN thực hiện đối với các đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN.

Các đơn vị được giao đánh giá quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được gọi chung là Tổ chức đánh giá cấp nhà nước.

Điều 5. Kinh phí tổ chức đánh giá

1. Kinh phí đánh giá cấp cơ sở được lấy từ kinh phí thực hiện đề tài, dự án.
2. Kinh phí đánh giá đề tài, dự án cấp nhà nước được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học hàng năm của Bộ KH&CN hoặc cơ quan chủ quản.
3. Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của đề tài, dự án theo yêu cầu của hội đồng các cấp do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án tự trang trải.

Chương II ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ

Điều 6. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở

Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở bao gồm các tài liệu sau:

1. Báo cáo tổng hợp kết quả của đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-1 kèm theo Thông tư này); sản phẩm KH&CN của đề tài, dự án với số lượng và chất lượng theo hợp đồng.
2. Nhận xét về tổ chức thực hiện của tổ chức chủ trì đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-2 kèm theo Thông tư này).
3. Hợp đồng và thuyết minh đề tài, dự án kèm theo.
4. Tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá, thử nghiệm các sản phẩm của đề tài, dự án do các tổ chức có thẩm quyền (phòng thí nghiệm chuyên ngành, trung tâm đo lường, trung tâm giám định kỹ thuật,...) thực hiện. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án (nếu có).
5. Biên bản kiểm tra định kỳ tình hình triển khai thực hiện đề tài, dự án của Ban chủ nhiệm chương trình, cơ quan chủ quản, Bộ KH&CN.
6. Báo cáo quyết toán tài chính của đề tài, dự án.
7. Bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị...), các số liệu điều tra, khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài, dự án.

Điều 7. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá cấp cơ sở

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn của đề tài, dự án ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có), chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp cho tổ chức chủ trì 10 bộ (bản sao) hồ sơ đánh giá cấp cơ sở gồm:
 - a) 04 bộ hồ sơ quy định tại Điều 6 Thông tư này để gửi tới chủ tịch hội đồng, ủy viên phân biện và lưu tại tổ chức chủ trì phục vụ phiên họp hội đồng;
 - b) 06 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 Thông tư này để gửi tới các ủy viên còn lại.

2. Tổ chức chủ trì kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Hồ sơ hợp lệ được gửi tới từng thành viên hội đồng trước phiên họp ít nhất 07 ngày.

3. Việc tổ chức đánh giá cấp cơ sở phải được thực hiện và hoàn thành trước thời điểm kết thúc thực hiện đề tài, dự án được ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có).

Điều 8. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm tư vấn giúp thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài, dự án trong việc đánh giá kết quả đề tài, dự án so với hợp đồng và các văn bản thỏa thuận, điều chỉnh (nếu có).

2. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở do thủ trưởng tổ chức chủ trì quyết định thành lập, có từ 07 đến 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên hội đồng. Số người của Tổ chức chủ trì đề tài, dự án tham gia hội đồng không quá 1/2 tổng số thành viên hội đồng.

Tổ chức chủ trì đề tài, dự án cử người làm thư ký khoa học và có thể cử 01 người làm ủy viên phản biện.

Chủ nhiệm đề tài, dự án và các cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án không được làm thành viên của hội đồng.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở:

a) Có chuyên môn về KH&CN, kinh tế, quản lý phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b) Là chuyên gia có uy tín, sẵn sàng tham gia hội đồng đánh giá với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực và khách quan;

c) Chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện ngoài các điều kiện trên phải là chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn, có trình độ khoa học từ tiến sỹ hoặc có chức danh khoa học từ phó giáo sư trở lên và có công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án được công bố trong 05 năm gần nhất.

Trường hợp đặc biệt do thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài, dự án quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu đánh giá cấp cơ sở, nhận xét đánh giá kết quả đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-3 hoặc Phụ lục 1-4 tương ứng, kèm theo Thông tư này); gửi phiếu nhận xét cho tổ chức chủ trì trước phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá;

c) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài, dự án trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Trong trường hợp cần thiết yêu cầu chủ nhiệm và tổ chức chủ trì đề tài, dự án cung cấp các tài liệu của đề tài, dự án để phục vụ cho việc đánh giá.

2. Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch hội đồng phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài, dự án quyết định tổ chức và chủ trì các phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm đề tài, dự án theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-10 kèm theo Thông tư này);

b) Phó chủ tịch hội đồng điều hành hội đồng trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt;

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án; gửi phiếu nhận xét đề tài, dự án cho tổ chức chủ trì chậm nhất 02 ngày trước phiên họp của hội đồng;

d) Thư ký khoa học giúp chủ tịch hội đồng kiểm tra, chuẩn bị tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho phiên họp hội đồng; gửi bản sao phiếu nhận xét của các ủy viên phản biện tới chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên trước phiên họp hội đồng; ghi chép các ý kiến thảo luận, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá cấp cơ sở theo quy định.

Điều 10. Phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành phần chính tham dự phiên họp của hội đồng bao gồm thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở, đại diện tổ chức chủ trì đề tài, dự án, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện các đơn vị có liên quan thuộc Bộ KH&CN và đại diện Ban chủ nhiệm chương trình (đối với đề tài, dự án thuộc chương trình).

2. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của hội đồng, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và phải có mặt đủ các ủy viên phản biện.

3. Chủ nhiệm đề tài, dự án được tham dự và giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện đề tài, dự án tại phiên họp của hội đồng.

4. Quy trình làm việc của hội đồng:

a) Thư ký khoa học đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Đại diện tổ chức chủ trì nêu những nội dung và yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá nghiệm thu;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp theo trình tự sau:

- Chủ nhiệm đề tài, dự án báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu;

- Các ủy viên phản biện đọc phiếu nhận xét đánh giá đề tài, dự án;

- Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng tham khảo;
- Thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài, dự án về kết quả và các vấn đề liên quan của đề tài, dự án;
- Chủ nhiệm đề tài, dự án trả lời các câu hỏi của hội đồng;
- Hội đồng thảo luận kín và tiến hành đánh giá đối với đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-5 hoặc Phụ lục 1- 6 tương ứng, kèm theo Thông tư này);
- Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và tiến hành bỏ phiếu: Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên, trong đó có một trưởng ban; phiếu hợp lệ là phiếu đánh giá ở một trong hai mức “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Trưởng ban kiểm phiếu thông báo kết quả kiểm phiếu đối với đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-7 kèm theo Thông tư này);
- Chủ tịch hội đồng dự thảo kết luận đánh giá, trong đó cần nêu rõ, cụ thể những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện đối với đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 1-8 hoặc Phụ lục 1-9 tương ứng kèm theo Thông tư này);
- Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận; trường hợp hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng đề Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản xem xét xử lý theo quy định hiện hành;
- Hội đồng thông qua biên bản.

Điều 11. Nội dung đánh giá cấp cơ sở và xếp loại đề tài, dự án

1. Nội dung đánh giá kết quả đề tài:

- a) Sự phù hợp của phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và độ tin cậy của trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế;
- b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo hợp đồng;
- c) Mức chất lượng (mức độ ổn định và khả năng lặp lại của kết quả đạt được) và yêu cầu khoa học, công nghệ đạt được của các sản phẩm chính;
- d) Tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...).

2. Nội dung đánh giá kết quả dự án:

- a) Tổ chức triển khai dự án;
- b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án;
- c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính của dự án;

d) Tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...).

3. Xếp loại đề tài, dự án:

Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại đề tài, dự án vào một trong hai mức “Đạt” hoặc “Không đạt” cụ thể như sau:

a) Mức “Đạt” nêu đề tài, dự án được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá đã hoàn thành cơ bản các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này đối với đề tài hoặc các nội dung nêu tại khoản 2 Điều này đối với dự án.

Đề tài, dự án xếp loại ở mức “Đạt” sẽ được đánh giá cấp nhà nước.

b) Mức “Không đạt” nêu đề tài, dự án không đáp ứng được các yêu cầu nêu tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 12. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá cấp cơ sở

1. Đối với đề tài, dự án được hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng.

Tổ chức chủ trì phối hợp với chủ tịch hội đồng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ để chuẩn bị cho đánh giá cấp nhà nước.

2. Trường hợp kết quả đề tài, dự án xếp loại ở mức “Không đạt”, có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu nhưng không quá 06 tháng theo quy định sau:

a) Để được xem xét gia hạn, đề tài, dự án phải được hội đồng đánh giá kiến nghị gia hạn và cơ quan chủ trì, chủ nhiệm phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp cơ sở và phương án xử lý) **thông qua ban chủ nhiệm chương trình (đối với các đề tài, dự án thuộc chương trình)** trình Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Bộ KH&CN xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án thuộc chương trình và đề tài, dự án độc lập. Cơ quan chủ quản thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ KH&CN;

c) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Thông tư này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài, dự án.

3. Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này;

b) Được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “Không đạt”.

4. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm lưu giữ bản gốc hồ sơ đánh giá cấp cơ sở của đề tài, dự án nêu tại Điều 6 Thông tư này.

Chương III

ĐÁNH GIÁ CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 13. Hồ sơ đánh giá cấp nhà nước

Hồ sơ đánh giá cấp nhà nước của đề tài, dự án gồm các tài liệu sau:

1. Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì đề tài, dự án gửi Tổ chức đánh giá cấp nhà nước (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-1 kèm theo Thông tư này).
2. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở nêu tại Điều 6 đã được bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của hội đồng đánh giá cấp cơ sở.
3. Quyết định thành lập hội đồng và biên bản đánh giá cấp cơ sở.
4. Văn bản xác nhận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-2 kèm theo Thông tư này).
5. Báo cáo giải trình các nội dung đã được bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở có xác nhận của thủ trưởng tổ chức chủ trì và chủ tịch hội đồng đánh giá cấp cơ sở.
6. Đánh giá về tổ chức thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-3 kèm theo Thông tư này).

Điều 14. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá cấp nhà nước

1. Trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở, chủ nhiệm, tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm nộp 13 bộ (bản sao) hồ sơ đánh giá cấp nhà nước cho Tổ chức đánh giá cấp nhà nước gồm:

a) 05 bộ hồ sơ theo quy định nêu tại Điều 13 Thông tư này để gửi tới chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện, thành viên tổ chuyên gia và lưu tại Tổ chức đánh giá cấp nhà nước phục vụ phiên họp của hội đồng;

b) 08 bộ hồ sơ gồm các tài liệu quy định nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 6 đã được hoàn thiện sau đánh giá cấp cơ sở và khoản 3, 4, 5, 6 Điều 13 Thông tư này để gửi tới các ủy viên còn lại của hội đồng.

2. Tổ chức đánh giá cấp nhà nước kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định hoặc yêu cầu chủ nhiệm, tổ chức chủ trì đề tài, dự án bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (trường hợp cần thiết).

Thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ được ghi trên giấy biên nhận hồ sơ (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-4 kèm theo Thông tư này).

3. Hồ sơ hợp lệ được Tổ chức đánh giá cấp nhà nước gửi đến từng thành viên hội đồng trước phiên họp trừ bị ít nhất 07 ngày.

4. Việc tổ chức đánh giá cấp nhà nước phải được thực hiện và hoàn thành trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá hợp lệ.

Điều 15. Hội đồng đánh giá cấp nhà nước và tổ chuyên gia

1. Hội đồng đánh giá cấp nhà nước có trách nhiệm tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ KH&CN, Thủ trưởng cơ quan chủ quản đánh giá kết quả đề tài, dự án theo quy định.

2. Tổ chuyên gia (thành lập trong trường hợp đề tài, dự án có sản phẩm đo kiểm được) có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của đề tài, dự án theo yêu cầu của hội đồng.

3. Hội đồng đánh giá cấp nhà nước và Tổ chuyên gia do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Ban chủ nhiệm chương trình **thông qua Văn phòng các chương trình** đối với đề tài, dự án thuộc chương trình hoặc của các Vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN đối với đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước và đề tài, dự án thuộc chương trình do các thành viên Ban chủ nhiệm chương trình làm chủ nhiệm.

Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cấp nhà nước và Tổ chuyên gia đối với đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN.

4. Yêu cầu đối với các thành viên hội đồng đánh giá cấp nhà nước:

a) Có chuyên môn về KH&CN, kinh tế, quản lý phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b) Là các chuyên gia có uy tín, sẵn sàng tham gia hội đồng đánh giá với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khách quan;

c) Chủ tịch và ủy viên phản biện hội đồng ngoài các yêu cầu trên phải là chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn, có trình độ khoa học từ Tiến sỹ hoặc có chức danh khoa học từ Phó giáo sư trở lên và trong 05 năm gần đây có công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án được công bố.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ KH&CN, thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định.

5. Ngoài các yêu cầu quy định nêu tại khoản 4 Điều này, thành viên hội đồng còn phải tuân thủ các điều kiện sau:

a) Thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở có thể tham gia hội đồng đánh giá cấp nhà nước nhưng không quá ba (03) thành viên, trong đó chủ tịch, ủy viên phản biện của hội đồng đánh giá cấp cơ sở không được làm chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của hội đồng đánh giá cấp nhà nước;

b) Chủ nhiệm và các cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án không được làm thành viên hội đồng đánh giá đề tài, dự án đó;

c) Chủ nhiệm đề tài, dự án khác thuộc cùng chương trình được tham gia hội đồng đánh giá cấp nhà nước nhưng không quá 02 thành viên và không làm chủ tịch, phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện;

d) Ban chủ nhiệm chương trình có thể tham gia hội đồng đánh giá cấp nhà nước đối với các đề tài, dự án thuộc cùng chương trình nhưng không quá 01 thành viên và không làm chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng hoặc ủy viên phản biện.

6. Hội đồng đánh giá cấp nhà nước có từ 09 đến 11 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên hội đồng, trong đó:

a) 2/3 thành viên là các chuyên gia KH&CN có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b) 1/3 thành viên là các chuyên gia về kinh tế, quản lý đại diện cho các tổ chức sản xuất - kinh doanh có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án, cơ quan quản lý và các tổ chức khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án.

7. Tổ chuyên gia có từ 03 đến 05 thành viên gồm các thành viên của hội đồng và các chuyên gia ngoài hội đồng (nếu cần thiết) do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng.

Thành viên tổ chuyên gia phải là các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn khoa học công nghệ, có trình độ khoa học từ Tiến sỹ hoặc có chức danh khoa học từ Phó giáo sư trở lên và có công trình khoa học liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án được công bố trong 05 năm gần đây.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ KH&CN, Thủ trưởng cơ quan chủ quản quyết định.

8. Các chuyên gia, đặc biệt là các ủy viên phản biện của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án được ưu tiên mời tham gia hội đồng. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời 01 chuyên gia đang công tác tại cơ quan chủ trì đề tài, dự án làm ủy viên hội đồng.

9. Giúp việc hội đồng có 02 thư ký hành chính là thư ký của chương trình và nhân viên của Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp nhà nước (đối với đề tài thuộc chương trình), chuyên viên các đơn vị chức năng thuộc cơ quan chủ quản (đối với đề tài, dự án thuộc dự án KH&CN) hoặc chuyên viên vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN (đối với các đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước và đề tài, dự án do thành viên ban chủ nhiệm chương trình làm chủ nhiệm).

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên hội đồng và tổ chuyên gia

1. Thành viên hội đồng đánh giá cấp nhà nước có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu đánh giá cấp nhà nước, nhận xét kết quả đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-5 hoặc Phụ lục 2-6 tương ứng kèm theo Thông tư này); gửi phiếu nhận xét tới Tổ chức đánh giá cấp nhà nước để tổ chức phiên họp đánh giá;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá;

c) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài, dự án trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Yêu cầu Tổ chức đánh giá cấp nhà nước, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá.

2. Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng nêu tại khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch hội đồng phối hợp với Tổ chức đánh giá cấp nhà nước quyết định thời gian họp và chủ trì các phiên họp của hội đồng đánh giá cấp nhà nước; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm đề tài, dự án theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp nhà nước (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-14 kèm theo Thông tư này);

b) Phó chủ tịch hội đồng điều hành hội đồng trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt;

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án và gửi phiếu nhận xét đề tài, dự án cho Tổ chức đánh giá cấp nhà nước 02 ngày trước phiên họp đánh giá của hội đồng;

d) Thư ký khoa học giúp chủ tịch hội đồng ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá cấp nhà nước theo ý kiến kết luận tại phiên họp đánh giá của hội đồng.

3. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia:

a) Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm khoa học công nghệ (mẫu sản phẩm, mô hình, bản vẽ thiết kế, báo cáo thử nghiệm, ứng dụng, các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm của đề tài, dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận... **theo Phụ lục 2-7A kèm theo Thông tư này**)

b) Khảo sát tại hiện trường, yêu cầu tổ chức đo kiểm các thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu cần thiết);

c) Lập báo cáo thẩm định (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-7B kèm theo Thông tư này) và gửi Tổ chức đánh giá cấp nhà nước 02 ngày trước phiên họp đánh giá của hội đồng.

4. Thư ký hành chính có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ tài liệu và các điều kiện cần thiết theo quy định phục vụ các phiên họp của hội đồng.

Điều 17. Phiên họp của hội đồng đánh giá cấp nhà nước

1. Thành phần chính tham dự các phiên họp của hội đồng đánh giá cấp nhà nước bao gồm thành viên hội đồng đánh giá, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện các đơn vị có liên quan thuộc Bộ KH&CN và đại diện Ban chủ nhiệm chương trình đối với đề tài, dự án thuộc chương trình.

2. Phiên họp của hội đồng được tổ chức thành hai phiên gồm phiên họp trừ bị và phiên họp đánh giá. Phiên họp họp lệ của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và có đủ các ủy viên phản biện.

Phiên họp đánh giá được tổ chức sau khi các thành viên hội đồng nhận được báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiếu nhận xét đề tài, dự án của các ủy viên phản biện.

Chủ nhiệm đề tài, dự án được tham dự và giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện đề tài, dự án tại phiên họp trụ bị của hội đồng.

3. Phiên họp trụ bị gồm các nội dung sau:

a) Thư ký hành chính đọc Quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Đại diện Tổ chức đánh giá cấp nhà nước nêu những nội dung và yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá nghiệm thu nêu tại Thông tư này.

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp theo trình tự sau:

- Hội đồng bầu thư ký khoa học;
- Chủ nhiệm đề tài, dự án trình bày tóm tắt kết quả khoa học công nghệ;
- Các thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài, dự án về kết quả và các vấn đề liên quan của đề tài, dự án;
- Chủ nhiệm đề tài, dự án trả lời các câu hỏi của hội đồng;
- Tổ trưởng tổ chuyên gia trình bày về kế hoạch và nội dung thẩm định;
- Hội đồng trao đổi, thống nhất về các thông số kỹ thuật cần đo đạc, kiểm định lại đồng thời đề nghị Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện (nếu cần thiết); thống nhất kế hoạch, thời gian làm việc của tổ chuyên gia và phiên họp đánh giá.

4. Phiên họp đánh giá

Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp đánh giá theo trình tự sau:

- Tổ trưởng tổ chuyên gia đọc báo cáo kết quả thẩm định đối với đề tài, dự án;
- Ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với đề tài, dự án;
- Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng tham khảo;
- Các thành viên hội đồng nêu ý kiến trao đổi với các thành viên của tổ chuyên gia và ủy viên phản biện về kết quả đề tài, dự án;
- Hội đồng thảo luận **kín**; các thành viên hội đồng chấm điểm, đánh giá xếp loại đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-8 hoặc Phụ lục 2-9 tương ứng kèm theo Thông tư này);
- Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên thuộc hội đồng, trong đó có một trưởng ban. Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả đề tài, dự án;
- Ban kiểm phiếu lập biên bản và báo cáo kết quả kiểm phiếu (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-10 hoặc Phụ lục 2-11 tương ứng kèm theo Thông tư này);
- Chủ tịch hội đồng dự thảo kết luận đánh giá (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-12 hoặc 2-13 tương ứng kèm theo Thông tư này). Trường hợp hội đồng đánh giá xếp loại “*Không đạt*” cần xác định rõ những nội dung, công việc

đã thực hiện đúng hợp đồng đề Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản xem xét xử lý theo quy định hiện hành;

- Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản;

- Đại diện các cơ quan quản lý phát biểu ý kiến (nếu có).

Điều 18. Nội dung, thang điểm đánh giá kết quả đối với đề tài

Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đánh giá kết quả đề tài bằng phiếu chấm điểm (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-8 kèm theo Thông tư này) với tổng số điểm tối đa là 100 điểm, cụ thể như sau:

1. Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế (điểm tối đa 15);

2. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm nêu tại Thuyết minh và hợp đồng (điểm tối đa 20);

3. Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính nêu tại Thuyết minh và hợp đồng (điểm tối đa 25);

4. Chất lượng của báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn... (điểm tối đa 10);

5. Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm, ...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước (điểm tối đa 6);

6. Kết quả tham gia đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ (điểm tối đa 3);

7. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (điểm tối đa 6);

8. Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ (điểm tối đa 5);

9. Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (điểm tối đa 10).

Điều 19. Nội dung, thang điểm đánh giá kết quả đối với dự án

Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đánh giá kết quả dự án bằng phiếu chấm điểm (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-9 kèm theo Thông tư này) với tổng số điểm tối đa là 100 điểm, cụ thể như sau:

1. Tổ chức triển khai dự án (điểm tối đa 15);

2. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm tại Thuyết minh dự án và hợp đồng (điểm tối đa 25);

3. Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất... (điểm tối đa 30);

4. Chất lượng của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo, các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (điểm tối đa 10);

5. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (điểm tối đa 5);

6. Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ (điểm tối đa 5);

7. Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (điểm tối đa 10).

Điều 20. Nguyên tắc chấm điểm và xếp loại kết quả đề tài, dự án

1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Việc chấm điểm đánh giá kết quả đề tài, dự án được căn cứ theo quy định tại Điều 18 Thông tư này đối với đề tài hoặc Điều 19 Thông tư này đối với dự án;

b) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa quy định cho từng nội dung đánh giá;

c) Điểm của đề tài, dự án là điểm trung bình của tổng số điểm ghi trong các phiếu đánh giá hợp lệ.

2. Xếp loại kết quả đề tài

Căn cứ vào kết quả chấm điểm đề tài, hội đồng đánh giá cấp nhà nước xếp loại đề tài thành 02 mức: “*Đạt*” hoặc “*Không đạt*”.

a) Mức “*Đạt*” đối với đề tài được chia thành 03 loại:

- Loại “*Xuất sắc*”: Đề tài đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt 60 điểm và có được một trong các kết quả sau:

+ Có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);

+ Đã được cấp ít nhất 01 văn bằng bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

+ Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với hợp đồng và có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

- Loại “*Khá*”: Đề tài đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau:

+ Có ít nhất 02 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia;

+ Có ít nhất 01 sách chuyên khảo được xuất bản (hoặc có giấy xác nhận về bản thảo được chấp thuận in và thời gian in của Nhà xuất bản).

- Loại “*Trung bình*”: Đề tài đạt tổng số điểm từ 60 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 phải đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Mức “*Không đạt*” đối với đề tài trong trường hợp có tổng số điểm của các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 18 đạt dưới 50 điểm hoặc tổng số điểm đánh giá đạt dưới 60 điểm.

3. Xếp loại kết quả dự án

Căn cứ vào kết quả chấm điểm dự án, hội đồng đánh giá cấp nhà nước xếp loại dự án thành 02 mức: “*Đạt*” hoặc “*Không đạt*”.

a) Mức “*Đạt*” đối với dự án được chia thành 03 loại sau:

- Loại “*Xuất sắc*”: Dự án đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt 70 điểm;

- Loại “*Khá*”: Dự án đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên;

- Loại “*Trung bình*”: Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên.

b) Mức “*Không đạt*” đối với dự án trong trường hợp có tổng số điểm các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 đạt dưới 60 điểm hoặc tổng số điểm đánh giá đạt dưới 65 điểm.

Điều 21. Đánh giá về tổ chức thực hiện

Tổ chức đánh giá cấp nhà nước tiến hành đánh giá và xếp loại về tổ chức thực hiện của đề tài, dự án (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-3 kèm theo Thông tư này), cụ thể như sau:

1. Đánh giá về tổ chức thực hiện đề tài, dự án gồm:

a) Đánh giá tiến độ thực hiện;

b) Đánh giá về tình hình sử dụng và huy động kinh phí.

2. Xếp loại về tổ chức thực hiện của đề tài, dự án được chia thành 02 mức: “*Đạt*” hoặc “*Không đạt*”, cụ thể như sau:

a) Mức “*Đạt*” khi có đủ các điều kiện:

- Nộp hồ sơ đánh giá đúng hạn;

- Sử dụng kinh phí và huy động nguồn vốn thực hiện đề tài, dự án đúng theo quy định hiện hành.

b) Mức “*Không đạt*” nếu vi phạm một trong các trường hợp:

- Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu không đúng thời gian quy định nêu tại khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 1 Điều 14 Thông tư này;

- Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền) hoặc không đảm bảo nguồn vốn đối ứng theo đăng ký.

Điều 22. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá cấp nhà nước

1. Đề tài, dự án được đánh giá xếp loại ở mức “*Đạt*”, trong thời hạn 15 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá cấp nhà nước, chủ nhiệm đề tài, dự án hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến, kết luận của hội đồng gửi Tổ chức thực hiện đánh giá cấp nhà nước.

Tổ chức thực hiện đánh giá cấp nhà nước phối hợp với chủ tịch hội đồng kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của đề tài, dự án. Chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm đề tài, dự án.

2. Trường hợp kết quả đề tài, dự án xếp loại ở mức “*Không đạt*” nếu chưa được gia hạn trong quá trình đánh giá cấp cơ sở thì có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện nhưng không quá 6 tháng theo quy định sau:

a) Để được xem xét gia hạn, đề tài, dự án phải được hội đồng đánh giá kiến nghị gia hạn và cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp nhà nước và phương án xử lý) **thông qua ban chủ nhiệm chương trình (đối với các đề tài, dự án thuộc chương trình) trình Bộ KH&CN hoặc** cơ quan chủ quản;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Bộ KH&CN xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án thuộc chương trình và đề tài, dự án độc lập; cơ quan chủ quản xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ KH&CN.

c) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Thông tư này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài, dự án.

3. Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản căn cứ vào kết luận của hội đồng đánh giá, xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này;

b) Được gia hạn theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “*Không đạt*”.

4. Trường hợp đề tài, dự án có kết quả đánh giá về tổ chức thực hiện ở mức “*Không đạt*”, Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản căn cứ vào mức độ vi phạm tiến hành xử lý theo quy định nêu tại khoản 3 Điều 25 Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện việc đăng ký lưu giữ kết quả đề tài, dự án theo Nghị định 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin KH&CN và nộp bản xác nhận đăng ký kết quả đề tài, dự án cho Văn phòng các chương trình đối với đề tài, dự án thuộc chương trình hoặc các Vụ chức năng đối với đề tài, dự án độc lập, các đơn vị chức năng thuộc cơ quan chủ quản đối với đề tài, dự án thuộc Dự án KH&CN.

Chương IV
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN,
THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án

Việc công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án được áp dụng đối với cả hai trường hợp được đánh giá ở mức “Đạt” và “Không đạt”.

1. Nội dung công nhận kết quả thực hiện bao gồm:

- a) Kết quả đánh giá đề tài, dự án;
- b) Kết quả việc tổ chức thực hiện.

2. Tài liệu để được công nhận bao gồm:

- a) Biên bản họp hội đồng đánh giá cấp nhà nước;
- b) Bản đánh giá tổ chức thực hiện đề tài, dự án;
- c) Bản xác nhận đã đăng ký, lưu giữ kết quả đề tài, dự án;
- d) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá nghiệm thu (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-14 kèm theo Thông tư này).

3. Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án:

a) Ban chủ nhiệm chương trình, Văn phòng các chương trình, các Vụ chức năng thuộc Bộ KH&CN, các đơn vị chức năng thuộc cơ quan chủ quản có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu nêu tại khoản 2 Điều này đối với các đề tài, dự án thuộc phạm vi quản lý trình Bộ KH&CN hoặc cơ quan chủ quản ra quyết định công nhận.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản có trách nhiệm xem xét ra quyết định công nhận kết quả đánh giá (theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2-15 kèm theo Thông tư này).

Điều 24. Thanh lý hợp đồng

1. Khi kết thúc đề tài, dự án chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì phải thực hiện nộp báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Sau khi có quyết định công nhận kết quả đánh giá Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản thực hiện đánh giá, kiểm kê và bàn giao sản phẩm, tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài, dự án.

3. Việc thanh lý hợp đồng giữa các bên tham gia ký hợp đồng được tiến hành sau khi có kết quả quyết toán và kiểm kê tài sản của đề tài, dự án.

Trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng được quy định cụ thể tại một văn bản khác do Bộ KH&CN ban hành.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án tùy theo trường hợp và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét và xử lý, cụ thể như sau:

a) Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản xem xét xử lý theo quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKH&CN ngày 11/5/2007 của Bộ trưởng Bộ KH&CN đối với các trường hợp:

- Kết quả đánh giá nghiệm thu ở mức “*Không đạt*” và không được chấp nhận gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả;

- Đề tài, dự án bị các cơ quan quản lý có thẩm quyền đình chỉ trong quá trình thực hiện do vi phạm các nguyên tắc quản lý;

- Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi đối với dự án theo hợp đồng;

- Nộp hồ sơ đánh giá không đúng thời gian đã quy định tại khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 1 Điều 14 Thông tư này.

b) Trường hợp vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý về tài chính đối với kinh phí của đề tài, dự án (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền) hoặc phát hiện hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực kết quả đánh giá mức “*Đạt*” sẽ bị hủy bỏ và xử lý theo mức “*Không đạt*” và không được làm chủ nhiệm các nhiệm vụ cấp nhà nước trong thời hạn 5 năm.

c) Trường hợp không thực hiện việc đăng ký, lưu giữ kết quả đề tài, dự án sẽ không được giao chủ trì nhiệm vụ cấp nhà nước cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định.

2. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án sẽ không được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cấp nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi đối với dự án theo hợp đồng;

b) Có từ 01 nhiệm vụ cấp nhà nước đã quá hạn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở từ 12 tháng trở lên.

Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ KH&CN quyết định.

3. Công chức, viên chức của tổ chức chủ trì đề tài, dự án và cơ quan quản lý KH&CN vi phạm các quy định đánh giá sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

4. Thành viên hội đồng đánh giá vi phạm quy định đánh giá thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định 127/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/5/2005 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN và không được mời tham gia hội đồng đánh giá trong thời hạn 03 năm kể từ khi có quyết định xử phạt.

5. Trường hợp phát hiện hội đồng vi phạm quy định đánh giá, Bộ KH&CN, cơ quan chủ quản có thể yêu cầu hội đồng sửa đổi, bổ sung, đánh giá lại hoặc

thành lập hội đồng mới để bảo đảm việc đánh giá được thực hiện khách quan, chính xác, đúng quy định.

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại về các quyết định hành chính, kết quả đánh giá của hội đồng; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức đánh giá đề tài, dự án.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Hướng dẫn thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án cấp nhà nước.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vận dụng Thông tư này để nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định về việc đánh giá nghiệm thu các kết quả nghiên cứu đề tài, dự án thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 13/2004/QĐ-BKH&CN ngày 15/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp nhà nước” và Quyết định số 04/2007/QĐ-BKH&CN ngày 19/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài KH&CN”.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư Pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Lưu: VT, KHCNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Lê Đình Tiến